SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 0406.26/KSBT-XN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 18 tháng 11 năm 2026

VILAS 502

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 1952.26

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 449 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ : Số 316, quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp

Người lấy mẫu : Trần Văn Tính

Địa điểm lấy mẫu : Tổ hợp tác nước sinh hoạt nông thôn ấp Hòa An. Tại hộ Đoàn Văn Lô - Ấp Hòa An, xã Ngũ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày lấy mẫu : 29/10/2026

Tên mẫu : **NƯỚC SINH HOẠT - MS: 202 - Đ1**

Lượng mẫu : 4.5 L

Ngày nhận mẫu : 29/10/2026

Thời gian thử nghiệm : 29/10/2026 - 06/11/2026

Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít và 1.0 lít;
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng;
Mẫu thực hiện chỉ tiêu Hydrosunfua đựng trong chai thủy tinh 500ml, cố định bằng dung dịch NaOH;
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 – B (2023)	Không có mùi,vị lạ	Không có mùi,vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	7,41	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	0,70	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	8,02	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	385	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	0,007	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S^{2-} - F (2023)(*)	0,026	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH_3-F(2023)(*)	0,21	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,80	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	42,0	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	13,8	≤ 250

Đ/C: Số 316, Quốc lộ 1A, tổ 22, Khu phố Long Hưng, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 0273.3872.368 - Fax: (84-273) 3881908 - Email:ttksbttg.xn@gmail.com

13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO_2- B (2023) (*)	< LOQ = 0,003 mgN/L	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO3 B (2023) (*)	0,02	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO_4-E (2023) (*)	8,46	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,23	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	136,8	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	48	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1
22	Bari (Ba)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,03	≤ 0,7
23	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,05	≤ 0,3
24	Hàm lượng Cd (mg/l)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,0003	≤ 0,003
25	Hàm lượng Pb (mg/l)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,002	≤ 0,01
26	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 6219 : 2021 (b)	Không phát hiện LOD = 0,2	≤ 1,0

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

(b) Phép thử do Công ty Cổ phần Biển Đức thực hiện.

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có chỉ tiêu Coliforms không đạt theo QCĐP 02 : 2024/TG.

Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.*

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Hoàng Thị Quỳnh Diệu

SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 0406.26/KSBT-XN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 18 tháng 11 năm 2026

VILAS 502

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 1953.26

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 449 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ : Số 316, quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp

Người lấy mẫu : Trần Văn Tính

Địa điểm lấy mẫu : Tổ hợp tác nước sinh hoạt nông thôn ấp Hòa An. Tại hộ Nguyễn Văn Hùng - Ấp Hòa An, xã Ngũ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày lấy mẫu : 29/10/2026

Tên mẫu : **NƯỚC SINH HOẠT - MS: 203 - Đ1**

Lượng mẫu : 4.5 L

Ngày nhận mẫu : 29/10/2026

Thời gian thử nghiệm : 29/10/2026 - 06/11/2026

Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít và 1.0 lít;
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng;
Mẫu thực hiện chỉ tiêu Hydrosunfua đựng trong chai thủy tinh 500ml, cố định bằng dung dịch NaOH;
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 – B (2023)	Không có mùi,vị lạ	Không có mùi,vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	0,72	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	8,12	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	400	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	0,007	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S^{2-} - F (2023)(*)	< LOQ = 0,018 mg/l	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH_3-F(2023)(*)	0,21	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,80	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	41,0	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	13,5	≤ 250

13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO_2- B (2023) (*)	< LOQ = 0,003 mgN/L	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO3 B (2023) (*)	0,02	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO_4-E (2023) (*)	8,00	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,25	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	126,4	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	32	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1
22	Bari (Ba)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,03	≤ 0,7
23	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,05	≤ 0,3
24	Hàm lượng Cd (mg/l)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,0003	≤ 0,003
25	Hàm lượng Pb (mg/l)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,002	≤ 0,01
26	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 6219 : 2021 (b)	Không phát hiện LOD = 0,2	≤ 1,0

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

(b) Phép thử do Công ty Cổ phần Biển Đức thực hiện.

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có chỉ tiêu Coliforms không đạt theo QCĐP 02 : 2024/TG.

Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.*

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Hoàng Thị Quỳnh Diệu

SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 0406.26/KSBT-XN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 18 tháng 11 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 1954.26

VILAS 502

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 449 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ : Số 316, quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp

Người lấy mẫu : Trần Văn Tính

Địa điểm lấy mẫu : Tổ hợp tác nước sinh hoạt nông thôn ấp Hòa An. Tại hộ Đoàn Minh Nhân - Ấp Hòa An, xã Ngũ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày lấy mẫu : 29/10/2026

Tên mẫu : **NƯỚC SINH HOẠT - MS: 204 - Đ1**

Lượng mẫu : 4.5 L

Ngày nhận mẫu : 29/10/2026

Thời gian thử nghiệm : 29/10/2026 - 06/11/2026

Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2.0 lít và 1.0 lít;
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng;
Mẫu thực hiện chỉ tiêu Hydrosunfua đựng trong chai thủy tinh 500ml, cố định bằng dung dịch NaOH;
Mẫu đậy kín, bảo quản nhiệt độ thường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 – B (2023)	Không có mùi,vị lạ	Không có mùi,vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	7,41	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	0,51	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	8,14	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	415	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	0,007	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S^{2-} - F (2023)(*)	0,026	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH_3-F(2023)(*)	0,23	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,80	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	41,0	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	13,5	≤ 250

13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO_2- B (2023) (*)	< LOQ = 0,003 mgN/L	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO3 B (2023) (*)	0,02	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO_4-E (2023) (*)	7,46	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,29	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	136,4	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	51	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1
22	Bari (Ba)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,03	≤ 0,7
23	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,05	≤ 0,3
24	Hàm lượng Cd (mg/l)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,0003	≤ 0,003
25	Hàm lượng Pb (mg/l)	SMEWW 3125B : 2023 (b)	Không phát hiện LOD = 0,002	≤ 0,01
26	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 6219 : 2021 (b)	Không phát hiện LOD = 0,2	≤ 1,0

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

(b) Phép thử do Công ty Cổ phần Biển Đức thực hiện.

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có chỉ tiêu Coliforms không đạt theo QCĐP 02 : 2024/TG.

Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.*

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Đ/C: Số 316, Quốc lộ 1A, tổ 22, Khu phố Long Hưng, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 0273.3872.368 - Fax: (84-273) 3881908 - Email:ttksbttg.xn@gmail.com